

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thăng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Vũ Văn Bảy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011

Số: 189 /2011/ BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 23 tháng 03 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Trách nhiệm của Ban giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

**Nguyễn Anh Tuấn**
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011
Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		290.544.832.022	188.406.723.115
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.081.712.655	13.540.630.420
1. Tiền	111		1.081.712.655	13.540.630.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.899.569.934	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	15.899.569.934	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.817.718.096	107.717.651.097
1. Phải thu khách hàng	131		77.174.329.109	63.424.610.212
2. Trả trước cho người bán	132		27.861.532.950	4.936.539.283
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	88.459.795.639	40.272.790.420
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.677.939.602)	(916.288.818)
IV. Hàng tồn kho	140		57.840.746.461	32.225.604.454
1. Hàng tồn kho	141	5.4	57.840.746.461	32.225.604.454
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.905.084.876	34.922.837.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	67.631.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.367.946.424	1.018.242.715
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		517.038.481	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	18.020.099.971	33.836.963.019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.233.697.827	59.841.526.040
II. Tài sản cố định	220		81.101.629.436	41.582.664.317
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	65.473.533.886	16.221.191.335
Nguyên giá	222		76.503.837.242	23.883.895.144
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.030.303.356)	(7.662.703.809)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	3.132.222.122	5.617.852.607
Nguyên giá	225		9.447.913.318	12.383.613.631
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.315.693.696)	(6.765.761.024)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	12.495.873.428	19.743.620.375
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	72.610.000.000	17.377.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		66.460.000.000	10.313.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.150.000.000	7.064.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.522.068.391	881.861.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.522.068.391	881.861.723
TỔNG TÀI SẢN	270		450.778.529.849	248.248.249.155

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		192.529.191.607	162.688.537.131
I. Nợ ngắn hạn	310		152.561.932.398	143.621.574.234
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	69.814.380.873	33.195.440.296
2. Phải trả người bán	312		34.499.323.071	55.242.716.442
3. Người mua trả tiền trước	313		5.575.032.568	11.121.901.262
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	19.658.114.343	12.876.940.487
5. Phải trả người lao động	315		1.309.600.730	1.434.593.972
6. Chi phí phải trả	316	5.13	5.027.896.351	3.148.587.163
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	15.847.670.620	27.108.132.170
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		829.913.842	(506.737.558)
II. Nợ dài hạn	330		39.967.259.209	19.066.962.897
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.301.023.906	1.101.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	31.447.712.173	17.853.432.487
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		94.080.404	112.506.504
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		7.124.442.726	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.249.338.242	85.559.712.024
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	258.249.338.242	85.559.712.024
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	51.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.957.753.767	12.157.753.767
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10.351.583.945)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.388.595.860	3.492.441.177
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.779.030.907	1.070.087.999
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.975.541.653	17.089.429.081
TỔNG NGUỒN VỐN	440		450.778.529.849	248.248.249.155

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011
 Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	158.012.060.476	82.118.528.826
2 Các khoản giảm trừ	02	5.18	1.190.162.699	954.546
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.19	156.821.897.777	82.117.574.280
4 Giá vốn hàng bán	11	5.20	115.280.976.108	65.540.763.408
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.540.921.669	16.576.810.872
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	34.433.120.308	78.515.075
7 Chi phí tài chính	22	5.22	13.944.994.705	2.924.294.183
8 Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.648.779.884	2.499.886.120
9 Chi phí bán hàng	24		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.656.938.265	8.904.693.798
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.372.109.007	4.826.337.966
12 Thu nhập khác	31		7.482.445.545	28.556.981.584
13 Chi phí khác	32		1.555.203.415	11.380.988.520
14 Lợi nhuận khác	40	5.23	5.927.242.130	17.175.993.064
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.299.351.137	22.002.331.030
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	10.323.809.484	4.869.101.231
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.975.541.653	17.133.229.799

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011
Tổng Giám đốc

Vũ Văn Bảy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		125.795.392.883	52.950.514.668
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02		(200.812.138.756)	(51.830.408.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.178.238.825)	(5.433.210.202)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(10.855.002.716)	(2.889.446.002)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.192.343.232)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		27.751.525.003	81.564.915.507
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.498.585.696)	(87.821.884.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(77.989.391.339)	(13.459.519.602)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(52.219.894.625)	(9.909.187.963)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		14.923.593.332	4.799.922.353
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(92.732.180.397)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24		76.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(46.369.416.055)	(11.737.000.000)
6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27		2.751.827.163	78.515.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(94.146.070.582)	(16.767.750.535)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		157.550.000.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(10.351.583.945)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		174.743.527.401	63.946.057.345
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(147.239.672.886)	(22.087.150.725)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(6.748.453.092)	(8.394.395.022)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.277.273.322)	(75.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		159.676.544.156	33.389.261.598
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.458.917.765)	3.161.991.461
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.540.630.420	10.378.638.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	1.081.712.655	13.540.630.420

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011
 Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 209.500.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu công, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất, mua bán xi măng;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Nhận ủy thác đầu tư cho các tổ chức trong và ngoài nước.
- Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghệ thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công viên;
- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 là: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	07
Phương tiện vận tải	06 - 08

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát thể hiện ở việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại Công ty con, có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận; có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương; có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí dàn giáo cốppha và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phân bổ ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; chi phí dàn giáo cốppha được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	205.481.932	376.447.462
Tiền gửi ngân hàng	876.230.723	7.164.182.958
Tiền đang chuyển	-	6.000.000.000
Tổng	1.081.712.655	13.540.630.420

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	17.389.537	-
Tiền gửi có kỳ hạn	15.882.180.397	-
Tổng	15.899.569.934	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	8.156.291.691	18.084.667.375
Công ty Cổ phần Sico Devyt	-	4.614.565.818
Công ty CP PTKT Hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam	3.500.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH XD&CN Delta	3.195.134.851	210.697.985
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	1.706.576.235	1.706.576.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	3.859.103.968	11.211.142.280
HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất	1.200.000.000	1.200.000.000
Chênh lệch giá Xi măng Sotraco	875.747.628	875.747.628
Tiền giám trừ doanh thu nhà HH Mỹ Đình	439.505.981	439.505.981
Chi nhánh thi công cơ giới dầu khí	-	60.000.000
Đỗ Văn Tám	266.764.227	266.764.227
Công nợ lương phải thu của CBCNV	-	264.870.932
Công ty Cổ phần Sông Đà - Phương Nam	10.000.000	200.000.000
Chênh lệch thép giá VIS	177.423.592	177.423.592
Công ty Liên doanh Sico Delta Đồng Bằng	139.401.500	-
Ban quản lý Dự án Yên Phong II	10.251.014.419	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	1.500.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Toàn Thành Phát	34.200.000.000	-
Tiền bán Cổ phần phải thu tại Công ty cổ phần Sico Yên Sơn	15.792.000.000	-
Các khoản phải thu khác	3.190.831.547	960.828.367
Tổng	88.459.795.639	40.272.790.420

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.462.659.212	4.107.818.595
Công cụ, dụng cụ	53.231.072	47.012.890
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.979.465.004	26.754.885.106
Thành phẩm	110.467.072	1.004.634.071
Hàng gửi đi bán	234.924.101	311.253.792
Tổng	57.840.746.461	32.225.604.454

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng thi công công trình	18.020.099.971	15.899.341.119
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	-	17.937.621.900
Tổng	18.020.099.971	33.836.963.019

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2010	3.547.182.625	17.488.635.538	774.651.464	595.186.073	1.478.239.444	23.883.895.144
Tăng trong năm	-	55.265.496.299	3.499.469.757	151.193.909	1.230.117.543	60.146.277.508
Mua trong năm	-	451.079.347	1.180.752.455	134.016.909	1.230.117.543	2.995.966.254
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	54.197.436.441	-	-	-	54.197.436.441
Tăng khác	-	616.980.511	2.318.717.302	17.177.000	-	2.952.874.813
Giảm trong năm	-	6.767.088.954	-	-	759.246.456	7.526.335.410
Thanh lý, nhượng bán	-	503.146.097	-	-	759.246.456	1.262.392.553
Giảm khác	-	6.263.942.857	-	-	-	6.263.942.857
Số dư tại 31/12/2010	3.547.182.625	65.987.042.883	4.274.121.221	746.379.982	1.949.110.531	76.503.837.242
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2010	353.337.513	5.705.450.098	538.447.960	314.620.657	750.847.581	7.662.703.809
Tăng trong năm	141.887.304	2.766.366.536	1.824.074.193	145.140.755	230.750.548	5.108.219.336
Khấu hao trong năm	141.887.304	2.457.597.598	445.669.062	145.140.755	230.750.548	3.421.045.267
Tăng khác	-	308.768.938	1.378.405.131	-	-	1.687.174.069
Giảm trong năm	-	1.433.987.938	-	-	306.631.851	1.740.619.789
Thanh lý, nhượng bán	-	275.314.717	-	-	306.631.851	581.946.568
Giảm khác	-	1.158.673.221	-	-	-	1.158.673.221
Số dư tại 31/12/2010	495.224.817	7.037.828.696	2.362.522.153	459.761.412	674.966.278	11.030.303.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2010	3.193.845.112	11.783.185.440	236.203.504	280.565.416	1.274.144.253	16.221.191.335
Tại 31/12/2010	3.051.957.808	58.949.214.187	1.911.599.068	286.618.570	727.391.863	65.473.533.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	10.064.896.329	2.318.717.302	12.383.613.631
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	616.980.511	2.318.717.302	2.935.697.813
Giảm khác	616.980.511	2.318.717.302	2.935.697.813
Số dư tại 31/12/2010	<u>9.447.915.818</u>	-	<u>9.447.915.818</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	5.486.270.238	1.279.490.786	6.765.761.024
Tăng trong năm	1.138.192.396	98.914.345	1.237.106.741
Khấu hao trong năm	1.138.192.396	98.914.345	1.237.106.741
Giảm trong năm	308.768.938	1.378.405.131	1.687.174.069
Giảm khác	308.768.938	1.378.405.131	1.687.174.069
Số dư tại 31/12/2010	<u>6.315.693.696</u>	-	<u>6.315.693.696</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2010	<u>3.132.222.122</u>	-	<u>5.617.852.607</u>
Tại 01/01/2010	<u>4.578.626.091</u>	<u>1.039.226.516</u>	<u>3.132.222.122</u>

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Năm 2010
 VND

Tại ngày 1 tháng 1	19.743.620.375
Tăng trong kỳ	46.949.689.494
Kết chuyển tài sản cố định	54.197.436.441
Giảm khác	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>12.495.873.428</u>

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	12.156.738.000
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	11.274.226.193	7.456.259.321
Sửa chữa lớn TSCĐ	555.806.000	-
Nhà sản xuất thuốc hàn	76.727.600	76.727.600
Dự án 3.2 ha Phú Diễn	27.320.909	27.320.909
Dự án tổ hợp KSVP nhà ở tại Mỹ Đình	26.574.545	26.574.545
Dự án KCN Quốc Tuấn - An Bình - Hải Dương	535.218.181	-
Máy khuấy ben	-	-
Tổng	12.495.873.428	19.743.620.375

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		66.460.000.000		10.313.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	1.530.000	15.300.000.000	611.300	6.113.000.000
Công ty Cổ phần SICO Yên Hòa	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Công ty CP TMDV Sông Đà - Đồng Nai	658.110	38.960.000.000	-	-
Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	-	8.000.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết				7.064.000.000
Công ty Cổ phần SICO Yên Sơn	-	-	526.400	5.264.000.000
Công ty Cổ phần SICO Devyt	-	-	180.000	1.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác		6.150.000.000		
Công ty CP TM Nam Sài Gòn	4.500	4.650.000.000	-	-
Công ty CP Thảo Điền SICO	150.000	1.500.000.000	-	-
Tổng		72.610.000.000		17.377.000.000

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	881.861.723
Tăng trong kỳ	7.792.914.366
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.152.707.698
Tại ngày 31 tháng 12	6.522.068.391

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Chi phí trả trước dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2010	01/01/2010
Chi tiết theo nội dung	VND	VND
Dàn giáo, cốppha, dụng cụ thi công	6.522.068.391	881.861.723
Tổng	6.522.068.391	881.861.723

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng	35.923.660.049	19.999.984.535
Vay tổ chức, cá nhân khác	32.130.000.000	6.977.780.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.760.720.824	6.217.675.761
Tổng	69.814.380.873	33.195.440.296

Chi tiết	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	19.702.273.009	19.999.984.535
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân (**)	16.221.387.040	-
Công ty CP Sông Đà - Đồng Nai	15.800.000.000	-
Công ty CP Đầu tư SICO	13.500.000.000	-
Tổng Công ty Sông Đà	-	2.000.000.000
Vay cá nhân	2.830.000.000	4.977.780.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.760.720.824	6.217.675.761
Tổng	69.814.380.873	33.195.440.296

(*) : Hợp đồng tín dụng số 01/2010/249/HĐTDHM ngày 10 tháng 5 năm 2010

Mức dư nợ tối đa: 30 tỷ đồng

Thời hạn vay: Dưới 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, theo từng khế ước vay từng lần cụ thể

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Ngân hàng theo từng lần giải ngân cụ thể. Lãi vay được trả hàng tháng theo lãi suất ghi trong từng lần giải ngân

Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị, xe cơ giới, nhà xưởng

(**): Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-HM/HTSD ngày 26 tháng 3 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 70 tỷ duy trì đến 31 tháng 3 năm 2011

Mục đích vay: Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất

Thời hạn cho vay: Được quy định cụ thể trong mỗi lần giải ngân được ghi trong giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 06 tháng.

Lãi suất cho vay: Áp dụng theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng thêm biên độ tối thiểu 3%/ năm. Mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/ năm. Mức lãi suất kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010 là 14%/ năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án tham gia cho vay (gồm cả quyền hưởng lợi, quyền nhận tiền bảo hiểm nếu có phát sinh từ tài sản đó).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.090.116.774	4.456.466.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.181.172.114	8.049.705.862
Thuế thu nhập cá nhân	386.779.091	116.986.488
Thuế tài nguyên	-	19.379.857
Các loại thuế khác	46.364	225.598.305
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.803.748
Tổng	19.658.114.343	12.876.940.487

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình Trung tâm Thương mại Mỗ Lao	4.573.058.826	-
Công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long	-	574.608.480
Các công trình liên doanh	139.401.500	-
Công trình Học viện Quân y 103	49.585.200	162.684.191
Công trình Viện KHVN Hoàng Quốc Việt	-	1.987.637.257
Công trình Thủy điện Nậm Mu	133.222.000	133.222.000
Công trình Thủy điện Nậm Chiến	54.293.727	54.293.727
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	46.000.000	46.000.000
Công trình TTTM & VP cho thuê (Mỗ Lao)	19.861.701	19.861.701
Công trình Thủy điện Tuyên Quang	12.473.397	12.473.397
Công trình Hải Bình	-	157.806.410
Tổng	5.027.896.351	3.148.587.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế	545.480.831	284.669.878
Kinh phí công đoàn	25.097.660	94.134.187
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.214.959.241	26.693.744.902
<i>Cổ tức phải trả</i>	240.694.298	453.083.943
<i>Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà</i>	5.400.000.000	6.000.000.000
<i>DONGRIWON Development VINA Co.Ltd</i>	-	6.000.000.000
<i>CN Công ty CP Tập đoàn Nam Cường</i>	3.994.640.758	3.905.182.098
<i>Công ty CP PTKT Hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam</i>	-	2.400.000.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta</i>	-	1.967.326.364
<i>Cán bộ công nhân viên mua vật tư</i>	647.471.353	819.052.154
<i>Công ty Cổ phần thiết bị CN & XD</i>	-	862.971.618
<i>Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long</i>	-	837.348.710
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	1.187.727.965	518.072.992
<i>Trạm Bê tông Sông Đà</i>	185.270.818	201.790.835
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	174.918.414	745.167.553
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - Vốn lưu động</i>	-	672.670.202
<i>HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất</i>	-	444.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà - Phương Nam</i>	-	200.000.000
<i>Công ty Cổ phần TĐ Dầu khí Anpha</i>	1.650.000.000	-
<i>Công ty TNHH SICO Đồng Bằng</i>	349.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai</i>	598.019.444	-
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	787.176.191	667.078.433
Bảo hiểm thất nghiệp	62.132.888	35.583.203
Tổng	15.847.670.620	27.108.132.170

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	31.447.712.173	15.900.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân	31.447.712.173	15.900.000.000
Nợ dài hạn	-	1.953.432.487
Thuê tài chính (Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam)	-	1.953.432.487
Tổng	31.447.712.173	17.853.432.487

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thanh Xuân phục vụ đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn vay 3 năm, tính từ khoản vay đầu tiên, lãi suất ban đầu 14,5%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc Khu công nghiệp Yên Phong II - Bắc Ninh.

5.16 **Vốn chủ sở hữu**

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	51.750.000.000	51.750.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	157.750.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	209.500.000.000	51.750.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.280.000.000	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	1/1/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.950.000	5.175.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.950.000	5.175.000
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	5.175.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	445.000	-
Cổ phiếu phổ thông	445.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.505.000	5.175.000
Cổ phiếu phổ thông	20.505.000	5.175.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	51.750.000.000	12.157.753.767		3.336.616.940	759.546.267	772.684.031	68.776.601.005
Tăng trong năm	-	-	-	155.824.237	310.541.732	17.133.229.799	17.599.595.768
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	155.824.237	310.541.732	-	466.365.969
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	17.133.229.799	17.133.229.799
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	816.484.749	816.484.749
Thù lao HĐQT và BĐH	-	-	-	-	-	25.200.000	25.200.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	791.284.749	791.284.749
Số dư tại 31/12/2009	51.750.000.000	12.157.753.767	-	3.492.441.177	1.070.087.999	17.089.429.081	85.559.712.024
Số dư tại 01/01/2010	51.750.000.000	12.157.753.767	-	3.492.441.177	1.070.087.999	17.089.429.081	85.559.712.024
Tăng trong năm	157.750.000.000	-	(10.351.583.945)	4.896.154.683	1.708.942.908	35.975.541.653	189.979.055.299
Góp vốn	157.750.000.000	-	-	-	-	-	157.750.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.896.154.683	1.708.942.908	-	6.605.097.591
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	35.975.541.653	35.975.541.653
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.351.583.945)	-	-	-	(10.351.583.945)
Giảm trong năm	-	200.000.000	-	-	-	17.089.429.081	17.289.429.081
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	8.280.000.000	8.280.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	8.655.829.081	8.655.829.081
Thù lao HĐQT và BĐH	-	-	-	-	-	153.600.000	153.600.000
Giảm khác	-	200.000.000	-	-	-	-	200.000.000
Số dư tại 31/12/2010	209.500.000.000	11.957.753.767	(10.351.583.945)	8.388.595.860	2.779.030.907	35.975.541.653	258.249.338.242

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A- DN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	123.606.837.744	52.782.787.772
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	30.198.637.429	23.500.955.436
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.206.585.303	5.834.785.618
Tổng	158.012.060.476	82.118.528.826

5.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giảm giá hàng bán	1.190.162.699	954.546
Tổng	1.190.162.699	954.546

5.19 Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa, dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	122.416.675.045	52.781.833.226
Doanh thu thuần hàng hóa, thành phẩm	30.198.637.429	23.500.955.436
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.206.585.303	5.834.785.618
Tổng	156.821.897.777	82.117.574.280

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	87.535.074.291	37.920.640.173
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	24.160.788.836	23.734.372.317
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.585.112.981	3.885.750.918
Tổng	115.280.976.108	65.540.763.408

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.604.780.288	78.515.075
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng vốn	29.728.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.100.340.000	-
Tổng	34.433.120.308	78.515.075

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A- DN

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	10.648.779.884	2.499.886.120
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	2.705.026.518	-
Chi phí tài chính khác	591.188.303	424.408.063
Tổng	13.944.994.705	2.924.294.183

5.23 Lợi nhuận từ hoạt động khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	7.482.445.545	28.556.981.584
Thu thanh lý tài sản cố định	699.616.892	5.311.904.762
Chênh lệch giá trị tài sản góp vốn	6.117.056.515	-
Thu chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	-	22.261.476.189
Chênh lệch tài sản đem đi góp vốn	-	229.651.663
Chênh lệch thừa vật tư kiểm kê	211.607.940	93.806.100
Thu nhập khác	454.164.198	660.142.870
Chi phí khác	1.555.203.415	11.380.988.520
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	658.787.250	1.955.407.897
Chi phí thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	414.565.818	-
Giá vốn chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	-	8.678.898.852
Chênh lệch thiếu vật tư kiểm kê	137.928.678	-
Chi phí khác	343.921.669	746.681.771
Tổng	5.927.242.130	17.175.993.064

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A- DN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	46.299.351.137	22.002.331.030
Các khoản điều chỉnh tăng	171.000.000	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (cổ tức được nhận)	1.100.340.000	-
Thu nhập chịu thuế	45.370.011.137	22.002.331.030
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.342.502.785	5.500.582.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009	-	631.481.527
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.342.502.785	4.869.101.231
Chi phí thuế TNDN năm trước chuyển sang	(1.018.693.301)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	10.323.809.484	4.869.101.231

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu	87.348.733.679	38.723.542.602
Chi phí nhân công	37.766.783.426	1.914.789.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.658.152.008	2.082.322.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.518.738.629	16.510.769.934
Chi phí khác bằng tiền	12.007.335.971	23.581.825.119
Tổng	172.299.743.713	82.813.249.600

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bên liên quan (Mua hàng)		
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	29.000.027.205	8.027.124.848
Tổng	29.000.027.205	8.027.124.848

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bên liên quan (Bán hàng)		
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	8.524.942.444	9.905.998.666
Tổng	8.524.942.444	9.905.998.666

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A- DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	3.871.145.322	11.211.142.280
Tổng	3.871.145.322	11.211.142.280

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO - Tiền hàng	2.951.911.540	5.710.540.956
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đồng Nai - Tiền vay	15.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đồng Nai - Lãi vay	598.019.444	-
Tổng	18.354.813.376	5.710.540.956

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Kế toán trưởng


 Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc


 Vũ Văn Bảy

